

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~9961~~ /UBND-LĐTĐBXH

Triệu Sơn, ngày 21 tháng 11 năm 2016

V/v báo cáo kết quả công tác phòng, chống
tệ nạn ma túy; cai nghiện phục hồi; xây
dựng xã, thị trấn lành mạnh năm 2016.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 3664/SLĐTĐBXH-PCTNXH ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy; cai nghiện phục hồi; xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh năm 2016. Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo cán bộ chuyên môn tổng hợp kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy; cai nghiện phục hồi; xây dựng xã, thị trấn lành mạnh năm 2016 như sau:

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống tệ nạn ma túy; cai nghiện phục hồi; xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy ma túy (nêu cụ thể các kế hoạch, Chương trình, Đề án, Công văn chỉ đạo...)

2. Kết hợp thực hiện trên các mặt công tác:

- Công tác tuyên truyền phòng, chống tệ nạn ma túy, ma túy (nội dung, hình thức tuyên truyền, số buổi, số người được tuyên truyền).

- Công tác cai nghiện phục hồi: Tổng số người nghiện có hồ sơ quản lý trên địa bàn, số người được cai nghiện trong năm 2016 trong đó số cai tại Trung tâm, tại gia đình và cộng đồng, số người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn, số người được vay vốn theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ, số người được học nghề, giới thiệu việc làm, số người được điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (theo phụ lục đính kèm).

- Công tác phòng, chống ma túy (số vụ được phát hiện, bắt giữ; số đối tượng "người bán ma túy, khách mua ma túy, đối tượng môi giới, chủ chứa", số vụ truy tố xét xử...); số liệu người ma túy có hồ sơ quản lý, số nghi hoạt động ma túy, số tái hòa nhập cộng đồng; số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động ma túy trên địa bàn (theo phụ lục đính kèm).

- Công tác xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn ma túy, ma túy theo Nghị quyết liên tịch số 01/2008 BLĐTĐBXH-BCA-BVHTTDL-UBTWMTTQVN ngày 28/8/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Bộ Công an; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đăng ký duy trì xã, phường, thị trấn lành mạnh từ năm 2016 sang năm

2017. Đăng ký xây dựng mới xã, thị trấn lãnh mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm năm 2017 (theo phụ lục đính kèm).

3. Đánh giá những ưu điểm, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

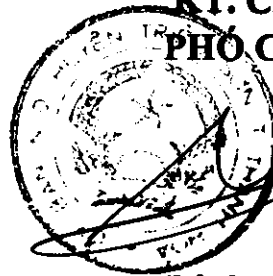
4. Đề xuất, kiến nghị.

Báo cáo xin gửi về UBND huyện qua (Phòng Lao động-TBXH) trước ngày 05/12/2016 để tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. / *LQT*

Nơi nhận: *L*

- Như trên;

- Lưu: VT, LĐTBXH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung

Phụ lục 1

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MẠI DÂM NĂM 2016
 (Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐBXH ngày 21 /11/2016
 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Nội dung	Đơn vị tính	Số kỳ đầu	Số phát sinh trong kỳ
1. THỰC TRẠNG, TÌNH HÌNH			
1.1 Tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn			
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn	<i>Cơ sở</i>		
Trong đó:			
+ Cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê...)	<i>Cơ sở</i>		
+ Nhà hàng Karaoke & cơ sở massage	<i>Cơ sở</i>		
+ Vũ Trường	<i>Cơ sở</i>		
+ Loại hình khác (<i>Quán bia, nhà hàng an uống, quán cà phê, cắt tóc gội đầu thư giãn...</i>)	<i>Cơ sở</i>		
- Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm tại cơ sở	<i>Cơ sở</i>		
- Số tiếp viên làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm	<i>Người</i>		
Trong đó:			
+ Số tiếp viên có hợp đồng lao động	<i>Người</i>		
+ Số tiếp viên là nữ giới	<i>Người</i>		
+ Số tiếp viên là người ngoại tỉnh	<i>Người</i>		
+ Số tiếp viên nữ dưới 18 tuổi	<i>Người</i>		
1.2 Tình hình các ổ nhóm, tụ điểm, địa bàn có dấu hiệu hoạt động mại dâm nơi công cộng			
- Số tụ điểm đi bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm	<i>Tụ điểm</i>		
1.3 Số người bán dâm trên địa bàn			
- Số người bán dâm ước tính			
Số người bán dâm được các cơ quan chức năng thống kê (<i>qua xử phạt hành chính; hỗ trợ xã hội, y tế, phòng, chống HIV, AIDS...</i>)	<i>Người</i>		
Trong đó:			
+ Số tiếp viên nữ dưới 18 tuổi	<i>Người</i>		
+ Số tiếp viên là người ngoại tỉnh	<i>Người</i>		
2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCMD			
2.1 Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành			
- Số lượng văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo thẩm quyền	<i>Văn bản</i>		

- Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về PCMD trong phạm vi quản lý (Công văn chỉ đạo, chương trình, kế hoạch...)	Văn bản		
2.1 Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm			
- Số buổi truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở, xã, phường, thị trấn	Buổi		
- Số người tham gia các buổi truyền thông về công tác phòng chống tệ nạn mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Luợt người		
- Số panô, áp phích được thực hiện về công tác phòng chống tệ nạn mại dâm tại cơ sở, xã phường, thị trấn	Panô, áp phích		
2.2 Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178/CP			
- Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ	Luợt cơ sở		
- Số cơ sở vi phạm pháp luật về phòng chống mại dâm	Luợt cơ sở		
Trong đó:			
+ Cơ sở Nhà nước	Luợt cơ sở		
+ Cơ sở ngoài Nhà nước	Luợt cơ sở		
- Số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm	Luợt cơ sở		
Trong đó:			
+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Luợt cơ sở		
+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Luợt cơ sở		
+ Số cơ sở bị cảnh cáo	Luợt cơ sở		
+ Số cơ sở bị phạt tiền	Luợt cơ sở		
* Số tiền phạt	Triệu đồng		
+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử lý khác	Luợt cơ sở		
2.3 Công tác truy quét, triệt phá ổ nhóm tổ chức hoạt động mại dâm			
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc		
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Cuộc		
- Tổng số người vi phạm	Luợt người		
Trong đó:			
+ Số người mua dâm	Luợt người		
+ Số người bán dâm	Luợt người		
+ Số người bán dâm dưới 16 tuổi	Luợt người		
+ Số chủ chứa môi giới	Luợt người		
- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Luợt người		
Trong đó			
+ Số người mua dâm	Luợt người		
+ Số người bán dâm	Luợt người		
+ Số người bán dâm dưới 16 tuổi	Luợt người		
+ Số chủ chứa, môi giới	Luợt người		
- Số người bị xử lý hình sự	Luợt người		
Trong đó:			
+ Số người mua dâm chưa thành niên	Luợt người		
+ Số chủ mại dâm	Luợt người		

+ Số mô giới mại dâm	<i>Luợt người</i>		
2.4 Công tác truy tố, xét xử			
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử			
+ Số vụ	<i>Vụ</i>		
+ Số bị cáo	<i>Người</i>		
- Số vụ án liên quan đến mại dâm được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử			
+ Số vụ	<i>Vụ</i>		
+ Số bị cáo	<i>Người</i>		
2.5 Hỗ trợ giảm hại và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm			
- Tổng số người bán dâm được hỗ trợ	<i>Luợt người</i>		
Trong đó:			
+ Số đối tượng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ về phòng chống, lây nhiễm HIV	<i>Luợt người</i>		
+ Số đối tượng được tư vấn, trợ giúp pháp lý	<i>Luợt người</i>		
+ Số đối tượng được hỗ trợ giáo dục, dạy nghề	<i>Luợt người</i>		
+ Số đối tượng được tạo việc làm, vay vốn sản xuất kinh doanh	<i>Luợt người</i>		
+ Số tiền mà người bán dâm được vay	<i>Triệu đồng</i>		
- Số đối tượng tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ đồng đẳng, các nhân tự lực...	<i>Luợt người</i>		
2.6 Xây dựng xã, phường thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn mại dâm			
- Tổng số xã, phường trên địa bàn	<i>Xã, phường, thị trấn</i>		
- Số xã, phường, thị trấn, trọng điểm về tệ nạn mại dâm	<i>Xã, phường, thị trấn</i>		
- Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn mại dâm	<i>Xã, phường, thị trấn</i>		
3. NGUỒN LỰC			
3.1 Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống tệ nạn mại dâm			
- Tổng số cán bộ làm công tác PCMD tại địa phương (gồm cả cán bộ kiêm nhiệm các cấp)	<i>Người</i>		
- Số cán bộ được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về công tác phòng chống mại dâm	<i>Luợt người</i>		
3.2 Kinh phí cho công tác phòng, chống mại dâm			
- Tổng số kinh phí chi cho công tác PCMD	<i>Triệu đồng</i>		
Trong đó:			
+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW	<i>Triệu đồng</i>		
+ Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương	<i>Triệu đồng</i>		
+ Từ nguồn khác (Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	<i>Triệu đồng</i>		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

